

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2021/HS-ST

Ngày: 28- 4- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Thân Văn Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thân Văn Nhân
2. Ông Dương Văn Thoi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Thư ký Toà án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Trang- Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 44/2021/HSST ngày 22/3/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST- HS, ngày 13 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Trần Thị L, sinh năm 1995; nơi cư trú: thôn A, xã Di, huyện S, tỉnh T; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; con ông Trần Phú H và bà Vũ Thị V; chồng là Đỗ Văn K, bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 17/2021/HSST ngày 19/4/2021, Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xử phạt bị cáo 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị đầu thú bị tạm giữ từ ngày 14/12/2020 đến ngày 18/12/2020. Hiện bị cáo đang bị tạm giam trong vụ án khác tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Bình (có mặt tại phiên tòa)

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Hoàng Trọng N - Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang (có mặt).

*** Bị hại:** Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn S, xã H, huyện V, tỉnh B.

*** Người làm chứng:** Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 2005

Người đại diện hợp pháp của anh Thắng: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1983

Cùng nơi cư trú: Thôn N xã T, huyện V, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo **Trần Thị L** và anh **Nguyễn Văn T** quen biết nhau qua mạng xã hội Facebook. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 12/12/2020, anh **T**don **L** tại gầm cầu vượt Đình Trám về nhà anh **T** chơi và ngủ lại qua đêm. Khoảng 10 giờ ngày 13/12/2020, **L** bảo anh **T** chở **L** đi chợ mua rau, anh **T** bảo cháu là anh Nguyễn Văn Thắng điều khiển xe mô tô chở **L** đi chợ. Sau đó, **L** đi vào phòng của anh **T** lấy túi xách của mình để đi chợ. Khi **L** mở tủ quần áo ra, thấy bên phải (theo hướng từ cửa nhìn vào) chiếc túi xách có chiếc quần dài màu trắng của anh Tuyết, trong túi quần phía sau bên phải có chiếc ví màu nâu thò ra. **L** dùng tay phải lấy ví, mở ra kiểm tra thấy ngăn bên ngoài có nhiều tiền lẻ (**L** khai không nhớ rõ mệnh giá), ngăn có khóa kéo có nhiều tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, do không có tiền chi tiêu nên **L** nảy sinh ý định trộm cắp số tiền trên, **L** lấy toàn bộ số tiền mệnh giá 500.000 đồng trong ngăn giữa của ví, cất vào túi xách của mình rồi để ví lại vị trí cũ. Sau đó, **L** cầm theo túi xách có đựng tiền trộm cắp của anh **T**cùng anh Thắng đi chợ mua rau. Lúc này, để tránh bị nghi ngờ, phát hiện nên **L** mua rau rồi nói dối anh Thắng, bảo anh Thắng cầm rau về trước, **L** đi gội đầu làm móng rồi về sau, thực chất là để tìm cơ hội bắt xe khách trốn về nhà ở thành phố Thái Bình. Sau khi anh Thắng đi về, **L** gọi xe ôm chở ra chân cầu vượt Đình Trám để đi xe khách về thành phố Thái Bình, trên đường đi, **L** bỏ số tiền vừa trộm cắp của anh **T**ra đếm thấy có tổng cộng 5.000.000 đồng gồm 10 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Do chưa bắt được xe, **L** thuê nhà nghỉ ở lại huyện **V** đến ngày 14/12/2020 thì đến Công an huyện **V** đầu thú, giao nộp 4.279.000 đồng và 01 túi xách màu đen. **L** khai nhận, sau khi trộm cắp 5.000.000 đồng của anh Tuyết, **L** đã làm rơi mất 500.000 đồng, chi tiêu cá nhân hết 300.000 đồng, còn 4.200.000 đồng chưa kịp tiêu sài, số tiền 79.000 đồng là tiền cá nhân của **L**.

Ngày 13/12/2020 anh **T** đã làm đơn trình báo Công an huyện **V**.

Với nội dung trên, tại bản cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 18/3/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện **V** đã truy tố bị cáo **Trần Thị L** về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình giống như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện **V** truy tố.

Khi luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện **V** giữ nguyên quan điểm như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo **Trần Thị L** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo **Trần Thị L** từ 07 đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo, được trừ thời gian tạm giữ.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo tranh luận: Đồng ý với quan điểm của đại diện viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo 06 tháng tù. Bị cáo đồng ý với ý kiến của người bào chữa, không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện **V**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện **V**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi phạm tội, tài sản chiếm đoạt, thủ đoạn chiếm đoạt tài sản, quá trình đi tiêu thụ tài sản hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ xác định: Khoảng 10 giờ ngày 13/12/2020, tại nhà của anh **Nguyễn Văn T**, bị cáo **Trần Thị L** đã lên lút chiếm đoạt của anh **Nguyễn Văn T** số tiền 5.000.000 đồng. Khi thực hiện hành vi bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản được pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi nêu trên của bị cáo **Trần Thị L** đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện **V** truy tố bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo; bị cáo đầu thú. Nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi quyết định hình phạt cho bị cáo. Ngày 19/4/2021, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tuyên phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Nên không được áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự theo đề xuất của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Hình phạt: Bị cáo có 02 hành vi trộm cắp tài sản trong thời gian ngắn cùng bị đưa ra xét xử. Do đó cần áp dụng hình phạt tù và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù ngay là phù hợp.

Bị cáo thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Các vật chứng của vụ án đã được xử lý tại giai đoạn điều tra nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Bị cáo thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí. Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Trần Thị L 07** (bấy) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 31/01/2021, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 14/12/2020 đến ngày 18/12/2020.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện **V** ;
- CA huyện **V**;
- THADS huyện **V**;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Thân Văn Hiếu

<p>THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ</p> <p>Thân Văn Nhàn Nguyễn Thị Lại</p>	<p>THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA</p> <p>Thân Văn Hiếu</p>
--	---

